

LÂM THANH LIÊM

CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT VIỆT NAM (1954-1994)



Nhà sách và xuất bản
NAM Á

CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT

205

CHƯƠNG THỨ BA

TRIỂN VỌNG TƯƠNG LAI CỦA NỀN KINH TẾ NÔNG THÔN VIỆT NAM.

Nạn khủng hoảng triền miên của nền kinh tế nông thôn và nạn bần cùng, nghèo khổ của nhân dân miền Bắc từ năm 1954 và thảm trạng này lan tràn trong cả nước Việt Nam tái thống nhất từ năm 1975, là do những sai lầm trong chính sách cải tạo kinh tế, mà lỗi lầm quan trọng nhất là chính sách tập thể hóa cưỡng bách ruộng đất. Biện pháp này lại đi song hành với các biện pháp xã hội hóa triệt để trong các lãnh vực khác (công nghiệp, thương nghiệp v.v...) tàn phá nền kinh tế quốc gia.

Chính sách duy y chí này, bất chấp dư luận nhân dân chống đối, lẽ dĩ nhiên đưa đến sự thất bại, làm cho cả dân tộc khốn khổ, lầm than, tuyệt vọng. Trước sự sụp đổ của khối Cộng sản, Hà Nội mới nhìn nhận có sai lầm, "đi

không đúng đường lối kinh tế". Do đó, họ "đổi mới" để phù hợp hiện tình quốc tế. Viện trợ ồ ạt của Liên Xô trước kia không còn nữa, cũng như các nước XHCN anh em khác. Viện trợ Tây phương nhỏ giọt. Số tiền cho vay của các tổ chức tài chính quốc tế (Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế FMI, Ngân Hàng Quốc Tế, Ngân Hàng Phát Triển Á Châu v.v...) cũng có giới hạn. Từ nay, Việt Nam phải tự túc cánh sinh. Để cứu vãn chế độ độc tài đảng trị, Hà Nội không thể làm gì khác hơn là "đổi mới kinh tế", hội nhập vào kinh tế thị trường và "mở cửa" giao thương với các nước không Cộng sản. Sự thay đổi hợp thời theo hướng phát triển kinh tế thị trường đã giúp chính quyền Hà Nội thoát khỏi tình trạng phá sản đất nước. Nghị quyết 10 và các biện pháp khác đi kèm theo tạo thuận lợi cho nền kinh tế tái phát triển. Các hệ thống truyền thông Việt Nam không ngớt đề cao "đổi mới" và nước Việt Nam, trước kia đã bị thiếu hụt triền miên lương thực qua nhiều thập kỷ, nay lấy lại địa vị bậc 3 trên thế giới về xuất khẩu gạo, kể từ năm 1989.

Thật ra, sự "đổi mới" kinh tế không phải là "sáng kiến" của giới lãnh đạo Hà Nội. Họ chỉ lấy lại chính sách cải cách của chế độ VNCH cũ đã được thực hiện trong các thập kỷ 1950, 1960, 1970.

Thật vậy, lúc bấy giờ, Hà Nội chỉ trích quy chế tá canh và chính sách cải cách điền địa của Tổng thống Ngô Đình Diệm, trong thời chiến tranh "giải phóng" miền Nam. Họ tìm đủ mọi cách, với bất cứ giá nào, phá hoại để

làm thất bại chính sách dinh điền, khu trừ mật và ấp chiến lược. Hà Nội tiếp tục không ngừng tranh đấu bằng vũ lực chống lại Luật "Người Cày Có Ruộng" và sử dụng mọi phương tiện, phá vỡ chiến thuật "Áp Đời Mới" của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Từ khi Hà Nội áp dụng "nền kinh tế thị trường, theo định hướng XHCN", người ta nhận thấy rằng đa số các biện pháp cải tạo kinh tế của chính quyền Cộng sản Việt Nam không khác gì chính sách của chế độ VNCH cũ:

- "Khoán trắng" chẳng hạn chẳng qua là một hình thức tá canh, không hơn không kém, giống tựa như quy chế tá canh của Tổng thống Diệm. Mỗi xã viên khai thác một mảnh ruộng của tập thể và phải trả mỗi năm 10% của vụ lúa cho nhà nước (chớ không trả cho điền chủ theo quy chế tá canh). Về việc trực canh, Hà Nội tỏ ra cứng rắn, không chấp nhận cho tái lập quyền tư hữu ruộng đất, "không thích hợp với chủ nghĩa xã hội".

Tuy nhiên, để thỏa mãn phần nào nguyện vọng của nông dân, chính quyền chỉ "giao" cho họ mỗi người một mảnh ruộng đất tập thể và họ được quyền "chuyển nhượng" lại đất cho người khác (hình thức này giống tựa một ít nhiều phương pháp chủ điền trực canh).

- Chính sách nông tín chẳng hạn không có trước kia ở miền Bắc, nhưng từ năm 1993, nó bắt đầu hoạt động trong một số ít tỉnh, nhờ sự viện trợ tài chính của Ngân Hàng Thế Giới. Chính sách nông tín hiện nay không theo

kiểu mẫu đã có tại miền Nam, trước năm 1975. Tất cả nông dân, có "giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đai" (giống tựa như bằng khoán do chế độ VNCH cũ cung cấp) có thể vay mượn nông tín ngắn hạn (dưới 1 năm) của Ngân Hàng Nông Nghiệp nhà nước. Ngân hàng này phỏng theo kiểu mẫu của Quốc Gia Nông Tín Cuộc của thời Tổng thống Ngô Đình Diệm hoặc Ngân Hàng Phát Triển Nông Thôn của thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

- Nền kinh tế thị trường gồm 5 thành phần (xí nghiệp quốc doanh, xí nghiệp công tư hợp doanh, hợp tác xã, xí nghiệp tư doanh, xí nghiệp với vốn đầu tư ngoại quốc 100%) không phải mới mẻ, vì dưới chế độ VNCH cũ, cũng đã áp dụng rồi, từ thập kỷ 1950.

Hà Nội đề cao nền kinh tế thị trường, nhưng trong thực tế, giới lãnh đạo vẫn hòa hoãn, chậm thay đổi để thích hợp với hiện tình thế giới. Việc thay đổi không trọn vẹn, có tính cách "nửa vời". Cơ bản của nền kinh tế Việt Nam hiện nay vẫn là nền tảng của CNXH. Trong lãnh vực nông nghiệp chẳng hạn, các xã viên chỉ là "cá thể trực canh", nhưng ruộng đất vẫn là của nhà nước, tức là Đảng Cộng sản Việt Nam hay đúng hơn nữa của Bộ chính trị. Các lãnh vực kinh tế khác cũng như thế. Các xí nghiệp quốc doanh vẫn nắm ưu thế và đóng vai trò then chốt. Vai trò này được Hiến Pháp năm 1992 tái xác nhận rõ rệt.

Sự chậm trễ việc thay đổi kinh tế phù hợp với tình hình mới là do "chủ nghĩa giáo điều" của các giới lãnh đạo

cao cấp Hà Nội gây nên. Họ gồm những người "già nua, bảo thủ cực đoan" nắm trọn quyền hành, tìm đủ mọi cách hòa hoãn cải cách và họ chống đối quyết liệt các biện pháp đổi mới có phương hại đến quan điểm Mác-Lê tức quyền lợi của họ. Họ đã thắng trận, sau 30 năm chiến tranh "giải phóng" đẫm máu (1945-1975), họ thành công tái thống nhất đất nước và áp đặt chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Tuy nhiên, "Mùa Xuân Bắc Kinh" (1989), sự sụp đổ khối Cộng Sản Đông Âu (1989-1990) và Liên Xô (1991) bắt buộc giới lãnh đạo Hà Nội áp dụng mềm dẻo chế độ, đặc biệt trong lãnh vực kinh tế. Họ khẩn trương thay đổi chiều hướng phát triển kinh tế và "mở cửa" giao thương với các nước không Cộng sản, để tránh bị cô lập. Nhưng làm cách nào để đưa đất nước thoát khỏi cơn khủng hoảng chưa từng thấy, mà vẫn bảo toàn được chế độ độc tài, đảng trị và vẫn đảm bảo trường cửu quyền hành lãnh đạo đất nước của đảng Cộng sản Việt Nam?

Trong viễn ảnh tương lai đó, từ sau Đại hội đảng (tháng 12-1986) lần thứ VI, Hà Nội nỗ lực tìm kiếm, dò dẫm và chọn lựa nhiều giải pháp. Chính sách "đổi mới" kinh tế Việt Nam được Tổng bí thư Liên Xô Mikail Gorbachev, một nhà cải cách, yểm trợ triệt để, giúp viện trợ kinh tế chưa từng thấy cho Hà Nội, trong đệ tứ kế hoạch ngũ niên (1986-1990), bình quân 2,2 tỷ Mỹ kim mỗi năm, trong 5 năm liên tiếp. Nhờ sự hỗ trợ tích cực của Liên Xô, chính sách "đổi mới" Việt Nam được phát động

mạnh mẽ trong các năm 1989-1991. "Nghị quyết 10" và các biện pháp kinh tế khác kèm theo chỉ nhằm mục đích thay đổi kinh tế thối. Từ khi Việt Nam "mở cửa" tiếp nhận giao thương với các nước ngoài, không Cộng sản và việc "xích lại gần" với Hiệp Hội ASEAN, đã chấp thuận cho Việt Nam quy chế quan sát viên của Hiệp Hội này từ năm 1992), "luồng gió tự do chủ nghĩa" càng ngày càng thổi mạnh vào Việt Nam. Các đợt phản đối, tranh đấu đòi hỏi quyền tư hữu ruộng đất và các yêu sách khác như dân chủ, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng v.v... không ngớt lan rộng, bắt buộc giới lãnh đạo Việt Nam có thái độ cứng rắn. Chính sách đàn áp các đối lập chế độ, các đảng viên "xét lại" trong nội bộ đảng, giới trí thức, các nhà khoa học kỹ thuật, giới văn nghệ sĩ, các vị lãnh đạo tinh thần v.v... rất thô bạo, vô nhân đạo. Hà Nội quyết định chuyển sang nền kinh tế thị trường, nhưng lập trường "bất di bất dịch" là không thay đổi cơ cấu chính trị. Họ nhất quyết duy trì chế độ công an, cảnh sát trị. Hà Nội không thể nào giảm bớt chi phí khổng lồ dành cho bộ máy đảng (1.700.000 đảng viên) và nhà nước (1 triệu bộ đội chính quy, 1 triệu công an, mật vụ, cảnh sát và trên 3 triệu công nhân viên v.v...). Do đó Hà Nội không thể thích nghi với hiện tình thế giới, với nền kinh tế thị trường. Trên dưới 50% ngân sách quốc gia dành cho các lãnh vực nêu trên, làm sao tìm đâu ra tư bản để đầu tư phát triển các lãnh vực kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp v.v...).

Nếu chính quyền Hà Nội quyết định gia nhập vào nền kinh tế thị trường, họ cần khẩn trương thực hiện một số cải cách:

1/ Quay trở lại phương pháp điền chủ trực canh. Các HTX, TĐSX và nông trại quốc doanh. Chúng "hữu danh vô thực". Do đó, chúng không có lý do để tồn tại. Bởi vậy, cần hủy bỏ ngay tức khắc ngân khoản to lớn để duy trì ban quản lý của các đơn vị sản xuất nêu trên, để duy trì đặc quyền đặc lợi cho các "cường hào ác bá địa phương" và bao cấp nông trại quốc doanh luôn luôn bị lỗ lã hoặc khánh tận.

2/ Thay thế phương pháp làm ăn tập thể bằng điền chủ trực canh ruộng đất. Giải pháp trực canh giảm bớt chi phí sản xuất. Nhờ đó, Nhà nước gây lại niềm tin cho nhân dân, khuyến khích họ lấy sáng kiến tăng sản xuất, và ruộng đất, mà họ canh tác, thuộc quyền sở hữu của họ.

3/ Duyệt xét, giảm thuế nông nghiệp để khuyến khích nông dân phấn khởi tăng sản xuất (bằng cách thâm canh hoặc nới rộng diện tích đất trồng). Hiện nay, nông dân còn bị sưu cao thuế nặng, mặc dù từ năm 1989, nhà nước đã giảm bớt nhiều sắc thuế. Từ 85% hoặc nhiều hơn nữa, thuế đã được giảm còn 40% mỗi vụ lúa (30% đối với các cây trồng khác, "đánh thuế quá nặng" giết chết sản

xuất và người ta đã thấy hậu quả tai hại trong quá khứ, vào các năm 1985-1988. Ngược lại, chính sách giảm thuế từ năm 1989 tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy nông dân tái gia tăng sản xuất và kể từ năm 1989, Việt Nam có dư thừa gạo để xuất khẩu đều đặn. Giảm thêm giá phân bón hóa học rất là cần thiết, cấp bách. Chẳng hạn 1 kg phân viêm tương đương với 2 kg thóc như trước kia là hợp lý (các năm 1980-1982), thay vì bằng 3,6 đến 4 kg hiện nay!

4/ Khẩn trương thành lập một số cơ quan yểm trợ nền kinh tế thị trường. Gia nhập vào kinh tế thị trường, Việt Nam phải chịu ảnh hưởng của quy luật cạnh tranh, sự thăng trầm giá cả trên thị trường (quốc nội và quốc tế). Do đó, Hà Nội cần phải có chính sách bao cấp tài chính giúp đỡ giới nông dân, để tránh cho giới sản xuất bị phá sản, khi giá lúa tụt giảm đột xuất, như kinh nghiệm trong quá khứ, vào các năm 1990-1993, đã chứng minh điều này. Việc thành lập các cơ quan tài chính rất cần thiết để giúp đỡ nông dân nếu khủng hoảng nông nghiệp hoặc thiên tai xảy ra bất ngờ.

Chẳng hạn như Thái Lan đã có sẵn thị trường truyền thống xuất khẩu cho gạo. Được xếp quốc gia bậc nhất xuất khẩu loại mễ cốc này (2,5-2,8 triệu tấn/năm), Thái Lan có nhiều kho tồn trữ gạo rất hiện đại, có khả năng dự trữ một số lượng gạo to lớn, nếu gạo dư thừa. Năm 1993, chính phủ đã truất ra một ngân khoản 60 triệu

Mỹ kim để mua gạo dự trữ dư thừa, ngay trong mùa gặt. Trái lại, Việt Nam thiếu các phương tiện này, kể cả Vinafood, xí nghiệp quốc doanh to lớn nhất, chuyên về xuất khẩu gạo.

Nhiều cơ quan khác cũng cần được khẩn trương thành lập, để hỗ trợ nông dân. Thật vậy, 70% hộ nông dân nghèo khổ, rất cần phương tiện tài chánh mỗi năm để làm ruộng. Họ hầu hết bị chủ nợ cho vay nặng lãi. Ngân hàng của nhà nước không hữu hiệu, vì thiếu vốn. Hơn nữa, các chi nhánh ngân hàng lại ít ỏi, và ở cách xa nông thôn. Do đó, ít nông dân được vay mượn tiền nông của Ngân hàng này.

Bởi vậy, việc thành lập các ngân hàng nông tín tư nhân là điều khẩn trương và tối cần thiết, để chống lại nạn cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Song song với chính sách nông tín, cần khẩn trương đào tạo cán bộ nông thôn. Vai trò của họ là thông tin, giải thích, hướng dẫn, khuyến cáo nông dân về các kỹ thuật canh tác (lựa chọn giống tốt có năng suất cao, sử dụng phân bón hóa học hợp lý, thích hợp với đất đai, khí hậu v.v...) và giúp đỡ họ làm thủ tục hành chánh để được ngân hàng cho vay tín dụng v.v...

Tất cả các cơ quan nêu trên đòi hỏi nhiều vấn đề đầu tư. Do đó, cần cấp bách duyệt xét lại cơ cấu đảng và nhà nước, để giảm bớt số nhân công, giảm chi phí thái quá, nhờ đó, Hà Nội mới có thêm phương tiện tài chánh thúc

đẩy mạnh, sớm thực hiện cải cách kinh tế. Nhưng việc thay đổi cơ cấu nêu trên có thể làm cho chế độ độc tài đảng trị bất ổn. Thật vậy, quân số quân đội chính quy, số công an mật vụ, cảnh sát của Bộ Nội Vụ cùng các cơ quan song hành thuộc đảng Cộng sản Việt Nam đặc trách chỉ đạo, kiểm soát guồng máy nhà nước, sẽ bị giảm thiểu. Dường như giới lãnh đạo cao cấp của đảng chưa sẵn lòng nhượng bộ, chấp nhận "hy sinh" giảm thiểu nhân số, vì sự kiện này có thể gây ra tình trạng bất ổn, chế độ bị lung lay dẫn đến hậu quả là chính quyền Cộng sản bị sụp đổ làm giới lãnh đạo Hà Nội mất hết quyền hành, đặc quyền đặc lợi v.v...

Nếu không thay đổi cơ cấu chính trị, thì Hà Nội không thể nào đẩy mạnh và tiến xa cải cách kinh tế, để đưa đất nước thoát khỏi cơn khủng hoảng. Hà Nội cũng không thể cải thiện mức sống nhân dân nhanh chóng, để theo kịp và hội nhập vào cộng đồng dân tộc Đông Nam Á. Hiện nay, đa số nhân dân Việt Nam còn nghèo khổ, vì các chi phí dành cho quốc phòng và an ninh quốc gia quá to tát. Chế độ độc tài, đảng trị không thích hợp với chủ nghĩa tự do kinh tế, kinh doanh. Nó làm cho xã hội bị băng hoại và kèm hảm, chận đứng, không để nền kinh tế tiến triển.

KẾT LUẬN

Trên khắp hoàn cầu, sự thất bại của chế độ Cộng sản thật hiển nhiên, không thể phủ nhận được. Nhưng giới lãnh đạo Hà Nội vẫn tiếp tục đeo đuổi cuộc thánh chiến, để thành lập XHCN với bất cứ giá nào. Để cho chế độ được sinh tồn, họ phải chuyển đổi qua nền kinh tế thị trường, nhưng vẫn duy trì quan điểm chủ yếu Mác-Lê. Bị các nước XHCN anh em bỏ rơi, Hà Nội dù muốn dù không phải quay về với các nước của Hiệp Hội ASEAN và các quốc gia khác không Cộng sản trong vùng (Nhật, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Hồng Kông v.v...), cùng các nước Tây phương (Cộng Đồng Kinh Tế Âu Châu, Bắc Âu, Úc Châu v.v...). Nhờ chuyển hướng kinh tế kịp thời, Hà Nội đã cứu nguy chế độ. Chính sách gọi là "đổi mới" kinh tế chẳng qua là áp dụng "khuôn mẫu" cải cách của chế độ VNCH cũ trước năm 1975. Mặc dù chỉ "bắt chước" một phần cải cách, kinh tế thị trường Việt Nam tuy không thành công mỹ mãn, nhưng cũng đem lại một vài kết quả khích lệ (như sản lượng nông nghiệp tái gia tăng, siêu lạm phát được đẩy lùi chẳng hạn). Nhờ đó, Tây phương và các tổ chức tài chánh

quốc tế tin tưởng. Nhờ viện trợ của một số quốc gia Tây phương (Nhật, Pháp v.v...), Việt Nam đã trả được nợ khoảng 140 triệu Mỹ kim cho Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (FMI). Tháng 11-1993, khoảng 20 nước và 10 tổ chức quốc tế nhóm họp tại Paris dưới sự bảo trợ của Ngân Hàng Thế Giới, đã chấp thuận cho Việt Nam vay trở lại 1,86 tỷ Mỹ kim tín dụng, một số tiền thật quan trọng mà Hà Nội không ngờ. Ngoài ra, còn có 700 dự án đầu tư ngoại quốc ở Việt Nam, với tổng số vốn dự trù là 6,5 tỷ Mỹ kim (trong đó, 1,5 tỷ đã thật sự được sử dụng ở Việt Nam). Hơn nữa, Mỹ đã quyết định hủy bỏ cấm vận hoàn toàn (tháng 2-1994), sau khi Hà Nội đã thỏa mãn các yêu sách Hoa Kỳ là rút quân viễn chinh Việt Nam vô điều kiện ra khỏi Miên, và giúp Mỹ tìm kiếm xác quân nhân bị mất tích trong chiến tranh trong chương trình MIA (Missing In Action).

Hiện nay, Việt Nam hội đủ nhiều yếu tố đặc biệt thuận lợi để các nước ngoài đầu tư. Sự kiện này giúp Việt Nam tái thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhưng thêm một lần nữa, dường như giới lãnh đạo Hà Nội không biết nắm lấy thời cơ thuận lợi này.

Trong một bản báo cáo mật (được phổ biến ở Tây phương), Tổng bí thư Đỗ Mười tố cáo, trước Đại hội đặc biệt (nhóm họp tại Hà Nội vào tháng 2-1994) rằng hiện có «bốn hiểm nguy» đe dọa Việt Nam:

- *Hiểm nguy chậm tiến so với các nước ASEAN và các nước khác trên thế giới.*
- *Hiểm nguy của "chủ nghĩa xét lại".*
- *Hiểm nguy tham nhũng.*
- *Hiểm nguy «diễn biến hòa bình».*

Viện có có sự đe dọa của "4 hiểm nguy" này (nhất là hiểm nguy "diễn biến hòa bình"), Hà Nội tỏ thái độ cứng rắn, kèm kẹp nhân dân. Trước sự chống đối và sự tranh đấu đòi hỏi một số yêu sách của quần chúng, giới lãnh đạo cương quyết hơn bao giờ hết, vẫn giữ y lập trường: không thay đổi cơ cấu chính trị (và vì xem đó là lãnh vực "thiên liêng" của đảng), không chấp nhận đa nguyên, đa đảng, không chấp nhận "dân chủ theo kiểu tư sản".

Vì sự sống còn của chế độ độc tài đảng trị, nên Hà Nội vẫn đặt ưu tiên lên hàng đầu vấn đề quốc phòng và an ninh quốc gia. Bởi vậy, theo các cán bộ Hà Nội cho biết, thì "lương bổng của các sĩ quan thuộc quân lực chính quy được tăng cao (dường như nhiều hơn gấp 1,5 lần) so với các lãnh vực khác, bắt đầu từ quý 2-1994, trong khi ấy, vẫn theo họ, thì đáng lý ra, cần phải đặt ưu tiên tăng lương cho đội ngũ giáo chức bậc tiểu học và trung học".

Để bảo toàn quyền hành, đặc quyền đặc lợi v.v..., giới lãnh đạo cao cấp đảng cần phải dựa trên lực lượng quân sự và bán quân sự (Bộ Nội Vụ). Chi phí dành cho các lãnh vực này quá cao, làm cho ngân sách quốc gia thâm

thủng, bắt buộc toàn dân hy sinh, sống trong đau khổ.
Viễn ảnh tương lai (chính trị và kinh tế) Việt Nam thật
đen tối.

Trang

Tháng 8-1994

Lâm Thanh Liêm